

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 11/9/2024
V/v: *Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vi Thị Tuyết Mai**

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Truyền
Bà Lý Thị Thúy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2024/TLPT- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”

Do bản án Hôn nhân và gia đình số: 03/2024/HNGĐ- ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị T** - Sinh năm 1985. Có mặt.

HKTT: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi tạm trú: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

* *Bị đơn:* Anh **Hoàng Mạnh C** - Sinh năm 1988. Có mặt.

Trú tại: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Hoàng Thanh S**, sinh năm 1964. Có mặt

2. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1967. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết

vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

3. Bà **Hoàng Thị M**- sinh năm 1970. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

* Những người làm chứng:

1. Bà Nông Thị H, sinh năm 1981; trú tại: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1981; trú tại: Tổ H, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

3. Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1964; trú tại: Tổ I, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

4. Ông Trịnh Đình T2, sinh năm 1984; trú tại: Tổ A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

5. Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

* Người kháng cáo: Bị đơn anh Hoàng Mạnh C

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:***

Chị và anh Hoàng Mạnh C kết hôn ngày 09/12/2009 đến ngày 27/4/2020 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 26/2020/QĐST- HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Theo quyết định trên phần tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn do không thỏa thuận được với anh C về việc phân chia tài sản chung nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung giữa chị và anh Hoàng Mạnh C như sau. Tài sản chung gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích sử dụng 75m² được xây dựng vào năm 2016 tại tổ A phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xây trên đất của ông Hoàng Văn S1 và bà Nguyễn Thị L. Tổng giá trị ngôi nhà sau khi hoàn thành là 400.000.000

đồng, giá trị còn lại sau khi khấu hao còn khoảng 200.000.000 đồng.

- 01 xưởng sửa chữa điện ô tô – máy xúc có diện tích khoảng 75m² xây dựng trên đất của ông Hoàng Văn S1 và bà Nguyễn Thị L tại tổ A phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Xưởng được xây dựng và đi vào hoạt động năm 2015, sau khi khấu hao giá trị còn lại khoảng 50.000.000 đồng.

- Các đồ vật sử dụng trong gia đình gồm:

01 (Một) tivi LED TCL 140ZL, 40 inch, mua mới năm 2016; 01 (Một) tủ lạnh LG 208L GN – L208PN mua mới năm 2018; 01 (Một) máy giặt nhãn hiệu Electrolux 7,5kg EWF10744, loại cửa trước, mua mới năm 2018; 01 (Một) điều hòa 2 chiều nhãn hiệu Electrolux, loại 9000 BTU; 01 (Một) chạn bếp nhựa Đài Loan, mua mới năm 2016; 01 (Một) tủ nhựa Đài Loan bốn cánh, mua mới năm 2016; 01 (Một) tủ nhựa Đài Loan ba cánh mua mới năm 2016; 01 (Một) kệ tủ tường, mua mới năm 2018; 01 (Một) bộ bàn ghế gỗ, mua mới 2018; 01 (Một) giường gỗ, mua mới năm 2009; 01 (Một) bàn trang điểm, mua mới năm 2009. Tổng giá trị các đồ vật sinh hoạt sử dụng trong gia đình sau khi đã trừ khấu hao còn lại khoảng 32.500.000 đồng.

Tất cả các tài sản trên sau khi ly hôn, anh C là người trực tiếp quản lý, sử dụng.

- Số tiền sau khi bán các tài sản trong thời kỳ hôn nhân gồm:

+ Xe ô tô Spack: Đã bán cho ông Hoàng Thanh S là 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*), sau khi trả nợ cho chủ cũ thì giá trị tài sản còn lại là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Anh C giữ 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) và đưa cho chị 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*).

+ Xe máy điện LUXULY: Anh C tự ý bán cho bà Phạm Thị L1, địa chỉ: tổ A, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, giá bán là 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*). Số tiền này hiện nay anh C đang giữ.

Tổng giá trị tài sản đã bán trong thời kỳ hôn nhân là 49.000.000 đồng.

Chị yêu cầu anh C trích chia lại cho chị ½ giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, mỗi người hưởng một nửa giá trị tính trên tổng giá trị các tài sản sau khi đã trừ khấu hao, tương đương số tiền 165.750.000 đồng. Anh C đã đưa cho chị 30.000.000 đồng, còn lại phải thanh toán tiếp cho chị số tiền là: 135.750.000đ (*Một trăm ba mươi năm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại phiên hòa giải và phiên tòa ngày 24/5/2023 chị yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng. Cụ thể:

- 01 ngôi nhà cấp 4 xây mới thêm vào năm 2016 trên cơ sở sửa chữa ngôi nhà cấp 4 cũ do bà M đã xây năm 2009 tại tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, chị yêu cầu chia giá trị ngôi nhà xây trên đất theo biên bản định giá là 132.882.400 đồng. Chị đề nghị giao nhà cho anh C quản lý, sử dụng, anh C có trách nhiệm trích chia ½ giá trị ngôi nhà cho chị, tương đương số tiền là 66.441.200 đồng, không yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất.

- 01 xưởng sửa chữa điện ô tô – máy xúc, xây dựng trên đất của ông Hoàng Thanh S và bà Nguyễn Thị L tại tổ A phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Chị yêu cầu chia giá trị phần mái tôn và cổng sắt của nhà xưởng do chị và anh C dựng trên đất theo biên bản định giá là 24.693.125 đồng. Chị đề nghị giao nhà xưởng trên cho anh C quản lý, sở hữu và sử dụng, anh C có trách nhiệm trích chia ½ giá trị nhà xưởng cho chị, tương đương số tiền là 12.346.500 đồng, không yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất,

- Đối với tiền bán xe ô tô Spack, giá trị xe còn lại là 40.000.000 đồng. Anh C giữ 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đưa cho chị 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Chị yêu cầu chia đôi, mỗi người được 20.000.000 đồng.

- Đối với xe máy điện LUXULY, sau khi trả nợ tiền mua xe, số tiền còn lại là 1.400.000 đồng anh C đang quản lý. Chị yêu cầu chia đôi, mỗi người được 700.000 đồng.

- Các tài sản là đồ vật sử dụng trong gia đình gồm:

+ 01 (Một) tivi LED TCL 140ZL, 40 inch, mua mới năm 2016, giá trị theo kết luận định giá là 1.500.000đ.

+ 01 (Một) tủ lạnh LG 208L GN – L208PN mua mới năm 2018, giá trị theo kết luận định giá là 2.500.000 đồng.

+ 01 (Một) máy giặt nhãn hiệu Electrolux 7,5kg EWF10744, loại cửa trước, mua mới năm 2018, giá trị theo kết luận định giá là 2.500.000 đồng.

+ 01 (Một) điều hòa 2 chiều nhãn hiệu Electrolux, loại 9000 BTU, giá trị theo kết luận định giá là 2.000.000 đồng.

+ 01 (Một) chạn bếp nhựa Đài Loan, mua mới năm 2016, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng.

+ 01 (Một) tủ nhựa Đài Loan bốn cánh, mua mới năm 2016, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng.

+ 01 (Một) tủ nhựa Đài Loan ba cánh mua mới năm 2016, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản là đồ vật sử dụng trong gia đình theo kết luận định giá là: 11.500.000 đồng. Chị yêu cầu chia đôi và yêu cầu được nhận bằng hiện vật, chị sẽ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh C.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị rút yêu cầu chia đôi với một số tài sản là: 01 (Một) kệ tủ tường, mua mới năm 2018; 01 (Một) bộ bàn ghế gỗ, mua mới 2018; 01 (Một) giường gỗ, mua mới năm 2009; 01 (Một) bàn trang điểm, mua mới năm 2009.

Ngoài ra đến thời điểm có quyết định ly hôn của Tòa án, vợ chồng chị còn dự nợ gốc tại các Ngân hàng là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) tiền gốc và 11.295.000đ (*Mười một triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) tiền lãi. Như vậy tổng nợ chung là 131.295.000đ (*Một trăm ba mươi một triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*). Chị yêu cầu mỗi bên chịu trách nhiệm trả một nửa số tiền gốc và lãi trên, cụ thể yêu cầu anh C có trách nhiệm trả 65.647.000đ (*Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*). Sau khi ly hôn, anh C đã trả được số tiền gốc và lãi là 64.663.000 đồng tại Ngân hàng B – Chi nhánh B1 rồi không trả tiếp nữa. Hiện nay chị đã tắt toán hết khoản các khoản vay nợ chung. Đối với nợ chung, chị yêu cầu anh C phải hoàn trả cho chị là 985.000 đồng.

*** Quá trình lấy lời khai, hoà giải và tại phiên tòa ngày 24/5/2023 bị đơn anh Hoàng Mạnh C có ý kiến như sau:**

Việc anh và chị Hà Thị T có quan hệ hôn nhân và đã ly hôn như chị T trình bày là đúng.

- Đối với vay nợ chung, anh nhất trí mỗi bên chịu trách nhiệm trả một nửa là 65.647.000đ. Anh đã trả được 64.663.000 đồng cho Ngân hàng, còn chị T đã đứng ra tắt toán toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng nên anh nhất trí trả cho chị T số tiền chênh lệch là 985.000 đồng.

- Đối với tài sản chung:

* Anh nhất trí chia các tài sản là đồ vật sử dụng trong gia đình gồm:

+ 01 (Một) Tivi LED TLC 140ZL, 40 inch, mua mới năm 2016, giá trị theo kết luận định giá là 1.500.000đ.

+ 01 (Một) Tủ lạnh LG 208L GN – L208PN mua mới năm 2018, giá trị theo kết luận định giá là 2.500.000 đồng.

+ 01 (Một) máy giặt nhãn hiệu Electrolux 7,5kg EWF10744 , loại cửa trước, mua mới năm 2018, giá trị theo kết luận định giá là 2.500.000 đồng.

+ 01 (Một) Điều hòa 2 chiều nhãn hiệu Electrolux, loại 9000 BTU, giá trị theo kết luận định giá là 2.000.000 đồng.

+ 01 (Một) chạn bếp nhựa đài loan, mua mới năm 2016, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng.

+ 01 (Một) Tủ nhựa đài loan bốn cánh, mua mới năm 2016, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng.

+ 01 (Một) Tủ nhựa đài loan ba cánh mua mới năm 2016, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản theo kết luận định giá là: 11.500.000 đồng. Anh nhất trí chia đôi, nhất trí cho chị T nhận tài sản và chị T có nghĩa vụ thanh toán cho anh ½ giá trị tài sản là 5.750.000 đồng.

* Đối với tiền bán xe ô tô Spack, giá trị xe còn lại là 40.000.000 đồng. Anh giữ 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đưa cho chị T 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Anh nhất trí chia đôi, mỗi người 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

* Đối với xe máy điện LUXULY đã bán, sau khi trả nợ tiền mua xe, số tiền còn lại 1.400.000 đồng anh đang quản lý. Anh nhất trí chia đôi, mỗi người 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

* Anh không nhất trí chia các tài sản sau:

+ 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích sử dụng là 75m² được xây dựng vào năm 2016 tại tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn trên đất của bà Hoàng Thị M – em gái ruột của ông Hoàng Thanh S, hiện nay bà Hoàng Thị M đã làm hợp đồng tặng cho đất cho ông Hoàng Thanh S nhưng chưa làm thủ tục sang tên ông S. Giá trị ngôi nhà theo biên bản định giá là 132.882.400 đồng.

+ 01 xưởng sửa chữa điện ô tô – máy xúc có diện tích khoảng 75m² xây dựng trên đất của ông Hoàng Thanh S và bà Nguyễn Thị L tại tổ A phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Giá trị nhà xưởng và cửa theo biên bản định giá là 24.693.125 đồng.

Lý do, ngôi nhà và xưởng sửa chữa điện ô tô – máy xúc là tài sản của bố mẹ anh (Ông Hoàng Thanh S và bà Nguyễn Thị L), không phải là tài sản chung của vợ chồng nên anh không nhất trí chia cho chị T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Hoàng Thanh S và bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ông, bà không chấp nhận việc yêu cầu chia tài sản chung của chị T đối với tài sản:

- 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích sử dụng là 75m² được xây dựng vào năm 2016 trên đất của ông Hoàng Thanh S tại tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Với các lý do sau:

Thứ nhất chị T không chứng minh được công sức đóng góp hoặc quyền sở hữu đối các tài sản trên, các tài sản trên đều xây trên đất của ông bà, do ông bà quản lý và sử dụng. Việc chị T, anh C xây dựng, sửa chữa, phải được sự đồng ý của ông bà hoặc được ông bà ủy quyền;

Thứ hai, chị T nộp cho Tòa án các giấy xác nhận việc mua vật liệu và công thợ xây dựng đối với các tài sản trên, ông bà không chấp nhận vì những giấy xác nhận này không hợp pháp. Năm 2020 anh C và chị T đã ly hôn theo Quyết định của Tòa án mà đến năm 2021 chị T mới xuất trình các giấy xác nhận này, theo ông bà các giấy xác nhận này phải được xác nhận vào thời điểm làm nhà thì mới hợp lý;

Thứ ba, các tài sản trên đều do vợ chồng ông bà xây dựng, cụ thể 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích sử dụng 75m² được xây dựng vào năm 2009 do em gái của ông S là bà Hoàng Thị M, sinh năm 1970, hiện trú tại phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xây dựng, sau đó lập hợp đồng tặng cho cho ông Hoàng Thanh S cả đất và nhà trên đất nhưng đến nay ông S vẫn chưa làm thủ tục đăng ký sang tên. *(Ông S có cung cấp cho Tòa án 01 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/6/2010 giữa bên tặng cho là bà Hoàng Thị M và bên nhận tặng cho là ông Hoàng Thanh S, kèm lời chứng của công chứng viên (Bản sao chứng thực).*

Năm 2016, vợ chồng ông bà bỏ tiền ra sửa chữa nhà, sau khi sửa chữa xong năm 2017, ông bà cho vợ chồng chị T, anh C ở nhờ tại ngôi nhà trên từ năm 2017 đến năm 2020 thì vợ chồng chị T, anh C ly hôn, tiền sửa nhà là của ông bà bỏ ra, không phải của chị T, anh C.

- Đối với yêu cầu của chị T về việc chia tài sản chung là các đồ dùng, vật dụng sinh hoạt trong gia đình như: 01 Tivi, 01 Tủ lạnh, 01 Máy giặt, 01 Điều hòa, 01 Tủ chạn bếp nhựa Đài Loan, 01 Tủ nhựa quần áo Đ buồng, 01 Tủ nhựa quần áo Đài Loan 3 buồng, 01 chiếc xe máy điện mua trả góp đã bán cho người khác, 01 xe ô tô biển kiểm soát 34D- 00241 đã bán cho ông S... theo đơn khởi kiện của chị T, ông bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bà **Hoàng Thị M** trình bày:

Vào năm 2010, bà không được ký hợp đồng tặng cho hay chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Hoàng Thanh S mà chỉ lập văn bản thoả thuận với ông S là anh trai của bà để ông S trông nom, tu sửa sau này làm nơi thờ cúng dòng họ.

Khi bà bàn giao cho ông S có 01 ngôi nhà cấp 4 mới xây vì anh em góp tiền xây cho mẹ bà ở. Năm 2016, trước khi sửa nhà ông S có thông báo sửa nhà bao gồm làm thêm mái dăng trước, sân, công trình phụ và công trình cũ ở sau, xây tường bao toàn bộ khu đất và được bà đồng ý.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng chị T, anh C trong thời kỳ hôn nhân là 01 nhà xây cấp 4 tại tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, xây dựng năm 2009 và được sửa chữa lại năm 2016, xây dựng trên đất mang tên bà, bà không nhất trí vì đây là tài sản có đóng góp của các anh em trong gia đình trong đó phần góp của bà là nhiều nhất vì là đất của bà. Còn chị T, anh C có đưa tiền cho ông S sửa nhà hay không, bà không biết. Bà khẳng định bà không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* **Những người làm chứng:**

- Bà **Nông Thị H** trình bày:

Trước đây gia đình bà có thành lập Công ty cổ phần B2, địa chỉ thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng. Vào khoảng tháng 5 năm 2016, chị T và anh C xuống cửa hàng bán vật liệu xây dựng của bà đặt vấn đề mua xi măng, sắt thép về xây nhà. Bà nhất trí bán cho chị T, anh C hai loại xi măng (xi măng La H2 và xi măng Hoàng T4), xi măng Hoàng Thạch giá 1.620.000 đ/01 tấn, xi măng La Hiên là 1.500.000đ /01 tấn nhưng cụ thể bán bao nhiêu tấn xi măng và sắt thép thì bà không nhớ rõ do thời gian đã lâu.

Sau khi thỏa thuận bà đã chở đủ số vật liệu trên đến giao cho anh C chị T để xây nhà tại địa chỉ tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Bà chở xi măng đến nhà chị T, anh C chia làm nhiều đợt, số tiền bán xi măng bà nhận từ hai vợ chồng cũng theo đợt, trả gói chứ không phải thanh toán một lần, tất cả những lần bà nhận tiền đều nhận từ chị T và đều có mặt anh C.

Hiện nay do thời gian đã lâu, bà không còn nhớ chính xác nhưng bà ước tính tổng số tiền bán xi măng cho chị T và anh C khoảng 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) còn tiền bán sắt thép do vợ chồng chị T mua với số lượng ít nên bà không nhớ rõ là bao nhiêu.

Khi bán hàng, bà đã giao phiếu bán hàng cho chị T, anh C, hiện nay, vì thời gian đã lâu, bà không còn giữ bất kỳ hóa đơn, chứng từ gì liên quan đến việc bà bán xi măng cho chị T anh C. Tất cả các lần nhận tiền đều do anh C, chị T trực tiếp trả tiền cho bà.

- Bà **Nguyễn Thị Thu T3 (Chủ cửa hàng V)** trình bày:

Vào thời điểm chị T3, anh C xây nhà (*thời gian vào năm nào thì bà không nhớ vì đã quá lâu*). Bà được bán cho chị T3 và anh C các sản phẩm như gạch ốp nền nhà, gạch ốp buồng tắm, nhà vệ sinh, gạch đỏ lát sân, bình nóng lạnh... Tổng giá trị đơn hàng khoảng 60 triệu đồng. Sau khi mua hàng bà được chở hàng và giao hàng đến địa chỉ tổ A, phường P, thành phố B. Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ ai là người trực tiếp trả tiền mua hàng và cũng không nhớ giữa hai bên có lập hợp đồng hay còn hoá đơn, chứng từ gì không.

- Ông **Phạm Văn H1** trình bày: Ông được ký vào 02 tờ giấy xác nhận do chị T3 đến gặp và nhờ ông ký xác nhận nhưng ông không nhớ cụ thể ngày tháng năm nào. Khi đến chị T3 mang theo 02 tờ giấy xác nhận đánh máy sẵn, còn phần chữ ký và chữ viết là của ông. Ông được đọc và nhất trí với nội dung 02 giấy xác nhận này. Do thời gian đã quá lâu nên ông không nhớ rõ số tiền thanh toán cụ thể nhưng ông nhớ việc mua vật liệu xây dựng và tiền công bản mái tôn, nhôm kính, công sắt của căn nhà cấp 4 mà chị T3, anh C sinh sống hết khoảng 50 triệu đồng, phần lớn là do ông S thanh toán cho ông, chị T3 và anh C được trả tiền cho ông khoảng 10 triệu đồng còn tiền mua vật liệu và tiền công làm nhà làm xưởng sửa chữa điện ô tô máy xúc, ông S là người thanh toán toàn bộ tiền cho ông.

- Anh **Trịnh Đình T2** trình bày: Anh được xây nhà cấp 4 cho chị T3, anh C tại tổ A, phường P, thành phố B vào khoảng năm 2016. Ông Mã Văn N là

người đứng ra nhận công trình còn anh chỉ là thợ xây thực hiện việc xây nhà. Anh chỉ biết căn nhà cấp 4 tại tổ A, phường P là của chị T3, anh C thuê ông N thi công, còn anh chỉ là người làm công cho ông N nên không biết giữa hai bên có lập hợp đồng xây dựng hay không.

- Anh **Trần Văn T1** trình bày: Anh không được trực tiếp xây nhà cho chị T3, anh C tại tổ A, phường P mà chỉ là người nhận công trình và giao cho ông Mã Văn N trú tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình trực tiếp xây dựng. Ngoài ra anh được ông S, anh C nhờ gọi người chở vật liệu xây nhà. Anh xác nhận bản kê khai vật liệu xây dựng vào ngày 08/02/2017 do ông S cung cấp cho Tòa án là toàn bộ chữ viết và chữ ký của anh. Vào tháng 02/2017, ông S đề nghị anh viết giấy này để dự toán số vật liệu xây dựng và anh đã ký nhận khi thực hiện xong công việc của mình. Do thời gian quá lâu nên anh không nhớ số tiền được trả để gọi chở vật liệu xây dựng cho gia đình chị T3, anh C, anh chỉ nhớ có lúc ông S trả, có lúc anh C trả, số tiền trả là bao nhiêu thì anh không nhớ.

Đối với giấy xác nhận ngày 14/3/2021 do chị T3 đánh máy, soạn sẵn và đưa cho anh, nhờ anh ký xác nhận nên anh đã ký, ghi họ và tên. Khi ký anh không được đọc và không biết nội dung trong giấy xác nhận này là gì và cũng không biết chị T3 sử dụng giấy xác nhận này để làm gì.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện:

- Tài sản trên đất có giá trị tài sản là: **157.575.525** đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi năm nghìn, năm trăm hai mươi năm đồng*), gồm:

+ 01 (Một) ngôi nhà xây cấp 4, gồm 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, trần thạch cao, tường xây gạch chỉ 110mm, diện tích xây dựng 97,6m². (Theo lời khai của Hà Thị T ngôi nhà xây năm 2016 còn của Hoàng Mạnh C xây năm 2009), không có giấy phép xây dựng. Sau khi xem xét hồ sơ đã chứng minh ngôi nhà được xây vào năm 2016, Hội đồng xác định ngôi nhà xây năm 2016 có giá trị là: **132.882.400 đồng** (*Một trăm ba mươi hai triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm đồng*).

+ 01 mái tôn thường, cột kềm, diện tích 99,75m² (có 09 cột kềm tròn phi 60, dài trung bình 5m; 09 thanh thép chữ nhật, kích thước 30mm x 60mm, dài 10,5m; 03 cột kềm phi 90, dài 15m, 03 thanh kềm vuông kích thước 30mm x 30mm, dài 15m; 03 thanh kềm vuông, kích thước 20mm x 20mm, dài 9m) lợp trên toàn bộ diện tích, có diện tích tôn là 120m². Mái tôn được làm năm 2016 có

giá trị là: **22.693.125** đồng (*Hai mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, một trăm hai mươi năm đồng*).

+ 01 cửa sắt dài 9m cao 1,4m. Sau khi tham khảo trên thị trường không có mua bán trao đổi loại công cũ Hội đồng xác định giá trị tài sản là **2.000.000** đồng (*Hai triệu đồng chẵn*).

- Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình có giá trị là **11.500.000 đồng** (*Mười một triệu, năm trăm nghìn đồng*), gồm: 01 (một) ti vi nhãn hiệu TCL, đã qua sử dụng, mua mới năm 2016, loại ti vi led 40 inch, giá trị tài sản là: 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*); 01 (Một) chạn bếp nhựa Đài Loan đóng năm 2016 dài 4,85m, cao 65cm, cánh tủ bếp dài 3,64m, rộng 0,66m, màu cam trắng, giá trị tài sản là: 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*); 01 (một) tủ lạnh nhãn hiệu LG dung tích 208L màu xanh, đã qua sử dụng, mua mới năm 2016 giá trị tài sản là: 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); 01 (một) máy giặt nhãn hiệu Elichtrolux cửa trước loại 7,5kg, đã qua sử dụng, mua mới năm 2017, giá trị tài sản là: 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*); 01 (Một) tủ nhựa Đài Loan 3 cánh, màu trắng hồng, đã qua sử dụng, mua mới năm 2016, dài 1,83m rộng 1,2m, giá trị tài sản là: 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*); 01 (Một) tủ nhựa Đài Loan 4 cánh màu trắng, đã qua sử dụng, mua mới năm 2016, dài 2,33m, rộng 2m giá trị tài sản là: 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*); 01 (một) máy điều hòa nhãn hiệu Elichtrolux loại 9.000 BTU, đã qua sử dụng, mua mới năm 2016, giá trị tài sản là: 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Tổng giá trị tài sản là: **169.075.525** đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu, không trăm bảy mươi năm nghìn, năm trăm hai mươi năm đồng*).

Nguyên đơn, bị đơn nhất trí với Biên bản định giá tài sản cũng như Kết luận của Hội đồng định giá và đề nghị Tòa án sử dụng kết luận định giá này làm căn cứ để xem xét, giải quyết vụ án.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã Quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 229, 244, 246, 264, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 33, 38, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T về việc chia các tài sản sau: 01 (Một) kệ tủ tường, mua mới năm 2018; 01 (Một) bộ bàn ghế gỗ, mua mới 2018; 01 (Một) giường gỗ, mua mới năm 2009; 01 (Một) bàn trang điểm, mua mới năm 2009.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa chị Hà Thị T và anh Hoàng Mạnh C về việc chia một số tài sản chung và nợ chung như sau:

- Chia cho chị Hà Thị T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản sau:

+ 01 (Một) Tivi LED TCL 140ZL, 40 inch, giá trị theo kết luận định giá là 1.500.000đ.

+ 01 (Một) Tủ lạnh LG 208L GN – L208PN, giá trị theo kết luận định giá là 2.500.000 đồng.

+ 01 (Một) máy giặt nhãn hiệu Electrolux 7,5kg EWF10744, loại cửa trước, giá trị theo kết luận định giá là 2.500.000 đồng.

+ 01 (Một) Điều hòa 2 chiều nhãn hiệu Electrolux, loại 9000 BTU, giá trị theo kết luận định giá là 2.000.000 đồng.

+ 01 (Một) chạn bếp nhựa Đài Loan, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng.

+ 01 (Một) Tủ nhựa Đài Loan bốn cánh, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng.

+ 01 (Một) Tủ nhựa Đài Loan ba cánh, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên theo kết luận định giá là: 11.500.000 đồng.

Chị Hà Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Mạnh C 1/2 giá trị chênh lệch đối với các tài sản trên là: **5.750.000 đồng.**

- Đối với số tiền bán xe ô tô Spack, giá trị xe còn lại là 40.000.000đ, anh C giữ 10.000.000đ và đã đưa cho chị T 30.000.000đ. Hai bên thống nhất chia đôi. Chị Hà Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Mạnh C **10.000.000 đồng.**

- Đối với chiếc xe máy điện LUXULY đã bán, sau khi trả nợ tiền mua xe, số tiền còn lại 1.400.000đ. Hai bên thống nhất chia đôi. Anh Hoàng Mạnh C có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hà Thị T **700.000 đồng.**

- Đối với khoản vay nợ chung: Anh Hoàng Mạnh C nhất trí trả cho chị Hà Thị T **985.000 đồng**.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T về việc chia tài sản chung của vợ chồng là 01 (Một) ngôi nhà xây cấp 4, gồm 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, trần thạch cao, tường xây gạch chỉ 110cm, diện tích xây dựng 97,6m², trị giá 132.882.400 đồng.

Giao cho anh Hoàng Mạnh C được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng 01 (một) ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 97,6m² và công trình kiến trúc gắn liền với ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 213, tờ bản đồ số 20, mục đích sử dụng đất ở tại đô thị tại tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 709824, do UBND thị xã B (Nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 13/6/2007, cấp cho bà Hoàng Thị M.

Buộc anh Hoàng Mạnh C có nghĩa vụ thanh toán 40% giá trị chênh lệch về tài sản là ngôi nhà cấp 4 cho chị Hà Thị T, tương ứng số tiền là: **53.153.000 đồng** (Năm mươi ba triệu, một trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Sau khi đối trừ với số tiền chị T phải thanh toán cho anh C là 15.750.000 đồng, thì anh C còn phải thanh toán cho chị T tổng số tiền là: **39.088.000 đồng** (Ba mươi chín triệu, không trăm tám mươi tám nghìn đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T về việc yêu cầu chia 01 xưởng sửa chữa điện ô tô – máy xúc dựng trên đất của ông Hoàng Thanh S và bà Nguyễn Thị L tại Tổ A phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Giá trị nhà xưởng và cửa theo biên bản định giá là 24.693.125 đồng.

* Về chi phí tố tụng: Chị Hà Thị T phải chịu chi phí tố tụng tương ứng số tiền: 1.440.000 đồng (*Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*); anh Hoàng Mạnh C phải chịu chi phí tố tụng tương ứng số tiền: 2.160.000 đồng (*Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Buộc anh Hoàng Mạnh C phải hoàn trả cho chị Hà Thị T số tiền chi phí tố tụng là 2.160.000 đồng (*Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 3.980.000 đồng (*Ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 300.000 đồng (*Ba*

trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 3.418.300 đồng (Ba triệu bốn trăm mười tám nghìn ba trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002057, ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Chị T còn phải nộp số tiền 861.700 đồng (T5 trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng).

Anh Hoàng Mạnh C phải chịu 5.308.000 đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2024, bị đơn Hoàng Mạnh C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể kháng cáo mục 2 và mục 3 của bản án như sau:

- Mục 2: Bị đơn không nhất trí chia các tài sản gồm: 01 (Một) Tivi LED TCL 140ZL, 40 inch; 01(Một) Tủ lạnh LG 208L GN – L208PN; 01 (Một) máy giặt nhãn hiệu Electrolux 7,5kg EWF10744, loại cửa trước; 01 (Một) Điều hòa 2 chiều nhãn hiệu Electrolux, loại 9000 BTU; Xe máy điện LUXULY cho chị T với lý do các tài sản trên là tài sản riêng của bị đơn, do bị đơn bỏ tiền ra mua sau khi hai vợ chồng đã ly hôn, chị T đã ra khỏi nhà được 01 năm, bị đơn đề nghị được sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản trên và không nhất trí trích chia giá trị tài sản cho chị T. Không nhất trí việc bản án tuyên chị T trích chia số tiền **10.000.000 đồng** tiền bán xe ô tô Spack, bị đơn cho rằng việc chị T bán xe trên với giá 70 triệu đồng là thấp hơn giá thị trường, nếu đúng với giá thị trường xe ô tô Spack trên phải có giá 90 triệu đồng, do vậy bị đơn đề nghị chị T phải thanh toán cho bị đơn tiền bán xe là **35.000.000 đồng**.

- Mục 3: Bị đơn không nhất trí trích chia 40% giá trị ngôi nhà xây cấp 4, gồm 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, trần thạch cao, tường xây gạch chỉ 110cm, diện tích xây dựng 97,6m² cho chị T mà chỉ nhất trí trích chia 25% giá trị ngôi nhà cho chị T với lý do ngôi nhà trên không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản của hộ gia đình có công sức đóng góp của cả ông S, bà L, bị đơn, chị T vì trước khi sửa nhà năm 2016 trên đất đã có ngôi nhà diện tích 20 m² của ông S, bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn rút kháng cáo đối với phần chia tài sản chung là đồ vật sử dụng trong gia đình (Mục 2). Giữ nguyên nội dung kháng cáo về việc chia ngôi nhà

xây cấp 4 gồm 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, trần thạch cao, tường xây gạch chỉ 110cm, diện tích xây dựng 97,6m² (Mục 3)

Nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Thanh S có ý kiến năm 2009 anh C, chị T kết hôn đến năm 2011 anh C, chị T đã thuê nhà ở riêng, ăn riêng, kinh tế độc lập với gia đình ông bà, năm 2016 ông bà sửa nhà cho anh C, chị T ở nhờ, nay ông nhất trí với kháng cáo của bị đơn, nhất trí giao quyền sở hữu, sử dụng nhà cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo đã rút của bị đơn; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn theo hướng: Xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp về việc chia tài sản chung*"; Ngôi nhà xây cấp 4, gồm 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, trần thạch cao, tường xây gạch chỉ 110cm, diện tích xây dựng 97,6m² không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản chung của hộ gia đình trong đó ông S, bà L có công sức đóng góp 25% giá trị ngôi nhà, anh C, chị T có công sức đóng góp 75% giá trị ngôi nhà đề nghị trích chia cho chị T ½ của 75% giá trị ngôi nhà tương đương số tiền 49.830.900 đồng; Việc tuyên buộc chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tài sản được chia là không đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết,

danh sách những người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm một số đương sự vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút kháng cáo về việc chia các tài sản chung gồm: 01 (Một) Tivi LED TCL 140ZL, 40 inch; 01 (Một) Tủ lạnh LG 208L GN – L208PN; 01 (Một) máy giặt nhãn hiệu Electrolux 7,5kg EWF10744, loại cửa trước; 01 (Một) Điều hòa 2 chiều nhãn hiệu Electrolux, loại 9000 BTU; Xe máy điện LUXULY và việc trích chia số tiền bán xe ô tô Spack. Hội đồng xét xử thấy việc rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 1 Điều 312, Điều 289/Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc: Không nhất trí trích chia 40% giá trị ngôi nhà xây cấp 4, gồm 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, trần thạch cao, tường xây gạch chỉ 110cm, diện tích xây dựng 97,6m² cho chị T mà chỉ nhất trí trích chia 25% giá trị ngôi nhà cho chị T với lý do ngôi nhà trên không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản của hộ gia đình có công sức đóng góp của cả ông S, bà L, bị đơn, chị T vì trước khi sửa nhà năm 2016 trên đất đã có ngôi nhà diện tích 20 m² của ông S, bà L

Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương tại phiên tòa phúc thẩm có cơ sở xác định: Năm 2009, chị T và anh C kết hôn, sau khi kết hôn, anh C chị T chung sống cùng với hộ gia đình ông S, bà L; Từ năm 2011 đến năm 2017 anh C, chị T thuê nhà ở riêng, ăn riêng, kinh tế độc lập với ông S, bà L. Năm 2016 anh C, chị T tách hộ khẩu và đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, phường P, thành phố B, chủ hộ là anh Hoàng Mạnh C, vợ là chị Hà Thị T, con Hoàng Hoài A. Ngoài ra trong hộ khẩu anh C không còn ai khác. Anh C, chị T sinh sống tại ngôi nhà cấp 4 ở tổ A, phường P, thành phố B từ năm 2017 cho đến khi anh chị ly hôn vào năm 2020 và sau khi ly hôn đến nay anh C là người trực tiếp quản lý, sử dụng ngôi nhà trên.

Mặt khác các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 11/5/2016 chị T

vay số tiền 80.000.000 đồng (*T5 mươi triệu đồng*) tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh B1, mục đích vay để sửa chữa nhà ở; Ngày 29/8/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh B1, mục đích vay để mua sắm đồ gia dụng; Ngày 23/12/2019, chị T ký hợp đồng thấu chi vay số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh tỉnh B1. Chị T khẳng định các khoản vay trên là để làm nhà và mua sắm đồ gia dụng trong gia đình.

Xem xét các tài liệu chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử thấy: Các khoản vay đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T với anh C còn tồn tại, thời gian vay và mục đích vay phù hợp với lời khai của chị T về việc vay tiền để làm nhà và mua sắm đồ gia dụng trong gia đình. Hơn nữa, tại Biên bản thoả thuận ngày 17/4/2020 giữa anh C, chị T, ông S, bà L có tổ trưởng tổ dân phố chứng kiến cũng thể hiện các bên thoả thuận thống nhất: *“Chị T sau khi kết hôn và quyết định xây nhà riêng có vay qua lương thấu chi tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh B1 số tiền 80.000.000 đồng và vay tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh tỉnh B1 số tiền 50.000.000 đồng... Đến thời điểm ly hôn, tổng nợ là 120.000.000 đồng. Anh C nhất trí sẽ chịu trách nhiệm trả 70% của số nợ trên và được trả theo kỳ hạn hàng tháng và khi đến kỳ hạn của Ngân hàng... sau khi chị T dọn ra ngoài thuê nhà ở sẽ chia cho chị T một nửa tài sản đang có trong căn nhà... Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh C cũng thừa nhận các khoản vay nợ trên là khoản vay nợ chung của vợ chồng và nhất trí trả 1/2 tổng số tiền gốc và lãi là 65.647.000đ, anh đã trả được 64.663.000 đồng cho Ngân hàng. Nay nhất trí trả tiếp cho chị T phần chênh lệch là 985.000 đồng. Do vậy có căn cứ khẳng định nguồn tiền để sửa chữa ngôi nhà xây cấp 4, gồm 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, trần thạch cao, tường xây gạch chỉ 110 cm, diện tích xây dựng 97,6m² năm 2016 là do anh C, chị T vay Ngân hàng.*

Quá trình giải quyết vụ án anh C cũng thừa nhận được cùng chị T trả tiền mua vật liệu xây dựng, tiền công thợ, tiền gạch men tổng số tiền khoảng 130 triệu đồng, lời khai nhận của anh C phù hợp với lời khai của một số người làm chứng như bà Nguyễn Thị Thu T3 - Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Hoàng H3 là: *“Được bán cho chị T3 và anh C các sản phẩm như gạch ốp nền nhà, gạch ốp buồng tắm và nhà vệ sinh, gạch đổ lát sân, bình nóng lạnh... tổng giá trị vào khoảng 60.000.000đ”*; bà Nông Thị H - Công ty cổ phần B2: *“Được bán cho chị*

T3 và anh C xi măng và sắt thép...tổng giá trị vào khoảng 40.000.000đ”; ông Phạm Văn H1 - Chủ cửa hàng Cơ sở nhôm kính cơ khí Hiền D: “Được làm tôn lợp mái nhà, cửa nhôm kính và cổng sắt, hàng rào bao quanh cổng sắt của ngôi nhà cấp 4. Tổng giá trị khoảng 50.000.000đ, chị T3 anh C trả tầm 10 triệu đồng.”

Với các tài liệu chứng cứ đã phân tích ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 01 (Một) ngôi nhà xây cấp 4, gồm 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, trần thạch cao, tường xây gạch chỉ 110cm, diện tích xây dựng 97,6m², trị giá 132.882.400 đồng là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo cho rằng: Ngôi nhà xây cấp 4 sửa chữa năm 2016 được tôn tạo từ ngôi nhà diện tích 20m² đã có từ năm 2009, do vậy khi định giá phải trừ phần giá trị của ngôi nhà 20 m² đã có từ trước. Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/6/2010 giữa bà Hoàng Thị M và ông Hoàng Thanh S thể hiện trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp 4, xây dựng 2009, diện tích 20 m², giá trị 10 triệu đồng, tại phiên tòa sơ thẩm cả anh C, chị T3 thừa nhận khi sửa chữa nhà năm 2016, ngôi nhà diện tích 20 m² đã bị dỡ bỏ toàn bộ phần mái, chỉ sử dụng lại được 2 bức tường. Biên bản định giá ngày 11/8/2022 của Hội đồng định giá xác định: 01 (Một) ngôi nhà xây cấp 4, gồm 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, trần thạch cao, tường xây gạch chỉ 110cm, diện tích xây dựng 97,6m² được xây vào năm 2016 có giá trị 132.882.400 đồng, anh C, chị T3 nhất trí với kết quả định giá và đề nghị Tòa án sử dụng Kết quả định giá làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại biên bản làm việc ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn với Chủ tịch HĐĐG tài sản, Chủ tịch HĐĐG tài sản khẳng định: *“Khi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, các đương sự không nêu và không chỉ rõ phần nhà xây cũ năm 2009 là phần nào trong tổng thể căn nhà đã được sửa chữa và xây mới vào năm 2016, không cung cấp được Giấy phép xây dựng, các hóa đơn mua bán vật liệu năm 2009. Hội đồng thống nhất xác định ngôi nhà xây năm 2016 có giá trị 132.882.400 đồng. Nay không có căn cứ tách phần giá trị tài sản đã xây dựng năm 2009 và phần xây dựng sửa chữa năm 2016”*. Với các chứng cứ nêu trên yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc khi định giá phải trừ phần giá trị của ngôi nhà 20 m² đã có từ trước là không thể thực hiện được.

Điều 59/Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“Nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn

1...

2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây:

a. Hoàn cảnh gia đình của vợ chồng;

b, Công sức đóng góp của vợ chồng trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung...”

Đối chiếu với quy định nêu trên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hoàn cảnh thực tế của mỗi bên, công sức đóng góp trong việc tạo lập tài sản chung, ý kiến của bà M về việc: Khi sửa chữa nhà năm 2016 ông S đã thông báo cho bà, bà đồng ý nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã giao cho anh C được sở hữu, sử dụng nhà, anh C có nghĩa vụ trích chia 40% giá trị tài sản ngôi nhà cho chị T3 chung là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S cũng nhất trí giao quyền sở hữu, sử dụng nhà cho bị đơn. Do vậy việc bị đơn kháng cáo không nhất trí trích chia 40% giá trị ngôi nhà xây cấp 4 diện tích 97,6m² cho chị T3 mà chỉ nhất trí trích chia 25% giá trị ngôi nhà cho chị T3 với lý do ngôi nhà trên không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản của hộ gia đình có công sức đóng góp của cả ông S, bà L, bị đơn, chị T3 vì trước khi sửa nhà năm 2016 trên đất đã có ngôi nhà diện tích 20 m² của ông S, bà L không có căn cứ để xem xét. Cần bác kháng cáo.

Bản án sơ thẩm chia cho chị Hà Thị T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản là vật dụng trong gia đình gồm: 01 Tivi LED TLC 140ZL,40 inch; 01 Tủ lạnh LG 208L GN – L208PN; 01 máy giặt nhãn hiệu Electrolux 7,5kg EWF10744, loại cửa trước; 01 Điều hòa 2 chiều nhãn hiệu Electrolux, loại 9000 BTU; 01 chạn bếp nhựa Đài loan; 01 (Một) Tủ nhựa Đài Loan bốn cánh; 01 (Một) Tủ nhựa Đài Loan ba cánh, các tài sản trên hiện nay anh C đang quản lý, sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án chị T yêu cầu anh C phải giao các tài sản trên cho chị nhưng bản án không tuyên buộc anh C giao các tài sản cho chị T là chưa xem xét hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và khó khăn cho công tác thi hành án. Bản án tuyên đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không tuyên hậu quả của việc đình chỉ là chưa đầy đủ, tuyên buộc chị T phải chịu án phí 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là chưa đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp

pháp của đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần thiết phải sửa án sơ thẩm về các nội dung trên.

Về án phí: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 312, Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309/Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc chia tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc chia tài sản chung là ngôi nhà xây cấp 4, diện tích xây dựng 97,6m². Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 229, 244, 246, 264, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 38, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T về việc chia các tài sản sau: 01 (Một) kệ tủ tường, mua mới năm 2018; 01 (Một) bộ bàn ghế gỗ, mua mới 2018; 01 (Một) giường gỗ, mua mới năm 2009; 01 (Một) bàn trang điểm, mua mới năm 2009.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án về việc yêu cầu chia các tài sản sau: 01 (Một) kệ tủ tường, mua mới năm 2018; 01 (Một) bộ bàn ghế gỗ, mua mới 2018; 01 (Một) giường gỗ, mua mới năm 2009; 01 (Một) bàn trang điểm, mua mới năm 2009 theo quy định của pháp luật.

* Công nhận sự thoả thuận giữa chị Hà Thị T và anh Hoàng Mạnh C về việc chia một số tài sản chung và nợ chung như sau:

- Chia cho chị Hà Thị T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản sau:

+ 01 (Một) Tivi LED TCL 140ZL, 40 inch, giá trị theo kết luận định giá là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

+ 01 (Một) Tủ lạnh LG 208L GN – L208PN, giá trị theo kết luận định giá là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

+ 01 (Một) máy giặt nhãn hiệu Electrolux 7,5kg EWF10744, loại cửa trước, giá trị theo kết luận định giá là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

+ 01 (Một) Điều hòa 2 chiều nhãn hiệu Electrolux, loại 9000 BTU, giá trị theo kết luận định giá là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

+ 01 (Một) chạn bếp nhựa Đài Loan, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

+ 01 (Một) Tủ nhựa Đài Loan bốn cánh, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

+ 01 (Một) Tủ nhựa Đài Loan ba cánh, giá trị theo kết luận định giá là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Tổng giá trị các tài sản trên theo kết luận định giá là: 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc anh Hoàng Mạnh C giao các tài sản gồm: 01 (Một) Tivi LED TCL 140ZL, 40 inch; 01 (Một) Tủ lạnh LG 208L GN – L208PN; 01 (Một) máy giặt nhãn hiệu Electrolux 7,5kg EWF10744; 01 (Một) Điều hòa 2 chiều nhãn hiệu Electrolux, loại 9000 BTU; 01 (Một) chạn bếp nhựa Đài Loan; 01 (Một) Tủ nhựa Đài Loan bốn cánh; 01 (Một) Tủ nhựa Đài Loan ba cánh cho chị Hà Thị T sở hữu, quản lý, sử dụng.

Chị Hà Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Mạnh C 1/2 giá trị các tài sản trên là: 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đối với số tiền bán xe ô tô Spack, giá trị xe còn lại là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), anh C giữ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đã đưa cho chị T 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Hai bên thống nhất chia đôi. Chị Hà Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Mạnh C 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Đối với chiếc xe máy điện LUXULY đã bán, sau khi trả nợ tiền mua xe, số tiền còn lại 1.400.000đ. Hai bên thống nhất chia đôi. Anh Hoàng Mạnh C có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hà Thị T 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

- Đối với khoản vay nợ chung: Anh Hoàng Mạnh C nhất trí trả cho chị Hà Thị T 985.000 đồng (*Chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T về việc chia tài sản chung của vợ chồng là 01 (Một) ngôi nhà xây cấp 4, gồm 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, trần thạch cao, tường xây gạch chỉ 110cm, diện tích xây dựng 97,6m², trị giá 132.882.400 đồng.

Giao cho anh Hoàng Mạnh C được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng 01 (một) ngôi nhà xây cấp 4 diện tích xây dựng 97,6m² và công trình kiến trúc gắn liền với ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 213, tờ bản đồ số 20, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Địa chỉ thửa đất: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 709824, do UBND thị xã B (Nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 13/6/2007 cho bà Hoàng Thị M.

Buộc anh Hoàng Mạnh C có nghĩa vụ thanh toán 40% giá trị ngôi nhà xây cấp 4, diện tích xây dựng 97,6m² cho chị Hà Thị T, tương ứng số tiền là: 53.153.000 đồng (*Năm mươi ba triệu, một trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Sau khi đối trừ với số tiền chị T phải thanh toán cho anh C là 15.750.000 đồng, anh C còn phải thanh toán cho chị T tổng số tiền là: **39.088.000** đồng (*Ba mươi chín triệu, không trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468/Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

Chị Hà Thị T phải chịu 3.980.000 đồng (*Ba triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 3.418.300 đồng (*Ba triệu bốn trăm mười tám nghìn ba trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002057, ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Chị T còn phải nộp số tiền 561.700 đồng (*Năm trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng*).

Anh Hoàng Mạnh C phải chịu 5.308.000 đồng (*Năm triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, Hoàn trả cho bị đơn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bị đơn đã nộp là 300.000 đồng (*Ba*

trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000563, ngày 13/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND TP Bắc Kạn;
- VKSND TP BK;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPBK;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vi Thị Tuyết Mai